PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2016/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư Ban hành Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 1. Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước, các Bộ theo thẩm quyền quản lý đối với máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động quy định tại Điều 33 Luật an toàn vệ sinh lao động khi có đề nghị sửa đổi, bổ sung Danh mục thì gửi công văn về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, với các nội dung sau:

- Tên máy, thiết bị, vật tư, chất cần sửa đổi, bổ sung vào Danh mục, bao gồm cả tên khoa học và tên giao dịch thương mại (nếu có);

- Đánh giá sự cần thiết, tính khả thi, tác động của việc sửa đổi, bổ sung các loại máy, thiết bị, vật tư, chất vào Danh mục (kèm theo dự thảo các quy trình kiểm định, nếu có).

2. Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội các đề xuất, sửa đổi, bổ sung Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động của các Bộ theo quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan phổ biến, hướng dẫn thực hiện Thông tư này tới các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình và cá nhân có sử dụng máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn; tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hàng năm về tình hình thực hiện Thông tư này cùng với báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trên địa bàn.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2017.

2. Thông tư số 05/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Doãn Mậu Diệp

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
Mục I	**Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động**
1	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C
2	Nồi gia nhiệt dầu
3	Hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng cấp I và II có đường kính ngoài từ 51mm trở lên, các đường ống dẫn cấp III và cấp IV có đường kính ngoài từ 76mm trở lên theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6158:1996 và TCVN 6159:1996
4	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 và các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức trên 210 bar
5	Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010
6	Các loại chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hóa lỏng, khí thiên nhiên nén, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí hòa tan có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar
7	Hệ thống cung cấp, hệ thống điều chế, hệ thống nạp khí nén, khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí hòa tan
8	Hệ thống đường ống dẫn khí đốt cố định, đường ống dẫn khí đốt trên biển; Hệ thống đường ống dẫn khí y tế
9	Hệ thống lạnh các loại theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6104:2015, trừ hệ thống lạnh có môi chất làm việc bằng nước, không khí; hệ thống lạnh có lượng môi chất nạp vào nhỏ hơn 5kg đối với môi

STT	MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
	chất làm lạnh thuộc nhóm 1, nhỏ hơn 2,5kg đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 2, không giới hạn lượng môi chất nạp đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 3
10	Cần trục các loại: Cần trục ô tô, cần trục bánh hơi, cần trục bánh xích, cần trục tháp, cần trục đường sắt, cần trục chân đế
11	Cầu trục các loại: Cầu trục lăn, cầu trục treo
12	Cổng trục các loại: Cổng trục, bán cổng trục
13	Trục cáp chở hàng; Trục cáp chở người; Trục cáp trong các máy thi công, trục tải giếng nghiêng, trục tải giếng đứng
14	Pa lăng điện; Pa lăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên
15	Xe tời điện chạy trên ray
16	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng; sàn nâng dùng để nâng người làm việc trên cao; tời nâng người làm việc trên cao
17	Tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên
18	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên
19	Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m
20	Máy vận thăng nâng hàng; máy vận thăng nâng hàng kèm người; máy vận thăng nâng người; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng
21	Thang máy các loại
22	Thang cuốn; băng tải chở người
23	Sàn biểu diễn di động
24	Các thiết bị trò chơi: tàu lượn, đu quay, máng trượt mang theo người lên cao từ 2m trở lên, tốc độ di chuyển của người từ 3m/s so với sàn cố định trừ các phương tiện thi đấu thể thao
25	Hệ thống cáp treo chở người
26	Tời, trục tải có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên sử dụng trong khai thác hầm lò
27	Cột chống thủy lực đơn, giá khung di động và dàn chống tự hành cấu tạo từ các cột chống thủy lực đơn sử dụng trong việc chống giữ lò trong khai thác hầm lò
28	Động cơ đốt trong (thể tích Cac-te trên 0,6 m^3 hoặc đường kính xi lanh trên 200mm)

STT	MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
29	Máy biến áp phòng nổ
30	Động cơ điện phòng nổ
31	Thiết bị phân phối, đóng cắt phòng nổ (khởi động từ, khởi động mềm, Aptomat, máy cắt điện tự động, biến tần, rơ le dòng điện rò)
32	Thiết bị điều khiển phòng nổ (bảng điều khiển, hộp nút nhấn)
33	Máy phát điện phòng nổ
34	Cáp điện phòng nổ
35	Đèn chiếu sáng phòng nổ
36	Máy nổ mìn điện
37	Hệ thống cốp pha trượt
38	Hệ thống cốp pha leo
39	Hệ giàn thép ván khuôn trượt
40	Máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng
41	Máy bơm bê tông
42	Máy thi công công trình hầm, ngầm: Máy và thiết bị trong các công nghệ đào hở; máy và thiết bị trong các công nghệ đào kín; máy thi công tuyến ngầm bằng công nghệ khiên và tổ hợp khiên; máy làm bê tông công trình ngầm
43	Hệ giàn giáo thép; thanh, cột chống tổ hợp
44	Sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng
45	Đài phát thanh có công suất phát cực đại từ 150W trở lên
46	Đài truyền hình có công suất phát cực đại từ 150W trở lên
Mục II	**Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự**
1	Các loại thuốc nổ
2	Phương tiện nổ (kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm,…)
3	Cáp và cáp quang cẩu bộ thiết bị 3ϕ-24.40; 3ϕ-24.50; БФМИ 468929.058
4	Quang cẩu bộ thiết bị 3ϕ-10.36-04
5	Thiết bị thử tải 8E088
6	Thiết bị MC-35004/Bộ thiết bị MC-35030
7	Bộ xe nâng chuyển tên lửa K350-110
8	Trạm sấy và làm lạnh YXHC ϕ55-70MЭ
9	Gía đỡ tháo dỡ K350-60
10	Đòn gánh cẩu K350-14-01

STT	MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
11	Hệ thống chai, mạng đường ống dẫn Nitơ
12	Hệ thống trạm, mạng tồn trữ, chiết nạp, điều chế Nitơ lỏng - khí có độ tinh khiết cao đến 98%
13	Bình khí Nitơ xe bệ phóng 9П-117M
14	Bộ cáp cẩu công ten nơ tên lửa
15	Thanh cẩu tên lửa P-15UПУ9513-0
16	Cáp cẩu công ten nơ tên lửa; động cơ phóng П9510-10A; đầu đạn П 9590-0; đầu đạn trong hòm C1.42-00
17	Máy nén khí ДK-9M và ЭK-9
18	Thiết bị an định thuốc phóng, thuốc nổ (Thiết bị an định Linter; thiết bị an định Hecxozen; thiết bị an định Nitro Xelulo (NC)
19	Thiết bị phản ứng thuộc dây chuyền sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ (thiết bị tạo NitroGlyxerin (NG); thiết bị tạo NitroXelulo (NC); Thiết bị tạo Dinitrotoluen (DNT); thiết bị chế tạo axít Tetraxen; thiết bị chế tạo axít Stipnat chì)
20	Thiết bị chịu áp lực chứa nguyên liệu chế tạo vật liệu nổ (thùng áp suất vận chuyển Na_2CO_3; thùng áp suất vận chuyển DNT; thùng áp suất vận chuyển Na_2SO_4; thùng áp suất vận chuyển Na_2SO_3
21	Thiết bị nhồi, nén thuốc nổ thuộc dây truyền sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ: Thiết bị bằng cơ khí (máy nén tinh, máy nén 10 vị trí); thiết bị bằng thủy lực (máy nén thủy lực, thiết bị nén thuốc hạt lửa, máy ép thuốc đen)
22	Thiết bị hỗn lô thuốc phóng, thuốc nổ được dây truyền thuốc phóng, thuốc nổ: Thiết bị trộn thùng quay (máy trộn thuốc dây dẫn nổ, máy nghiền trộn thuốc đen 3 phần, máy nghiền trộn Amonit, máy trộn bột tan với thuốc); thiết bị trộn dạng lắc (máy sang thuốc TEN, máy khử bụi chọn hạt thuốc đen, máy tạo hạt thuốc đen, máy sàng thuốc gợi nổ); thiết bị trộn dạng cánh đảo (máy trộn thuốc hỗn hợp, máy trộn hỗn hợp thuốc nổ ướt, máy trộn gôm với thuốc)
23	Thiết bị lắp ráp, rung xóc đạn, hạt lửa: Máy thử chấn động; máy thử va đập; máy rút, tóp đạn; thiết bị tháo ngòi và ống đuôi đạn B40
24	Máy đánh rỉ đạn
25	Thiết bị kẹp đạn bằng khí nén
26	Buồng tăng, giảm áp suất; bình lọc khí cao áp; buồng áp suất sử dụng trong huấn luyện và điều dưỡng cho đặc công nước
27	Trạm khí nén YKC; VZ20/350; trạm ôxy AKZC 75M; trạm Azốt UGZCIA

STT	MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
28	Cần trục các loại dùng: Nâng hạ ngư lôi, tên lửa, nâng hạ xuồng trên tàu, đảo
29	Xà cẩu đạn tên lửa
30	Hệ thống nâng hạ bộ cầu phà PMP (tời để nâng hạ)
31	Thiết bị nâng hạ bom, đạn (Palăng điện; Pa lăng kéo tay có trọng tải nâng từ 500 kg trở lên)
32	Tời điện, tời thủ công dùng để nâng tải, kéo tải trong các xưởng sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ
33	Xe nâng bom, đạn
34	Xe cẩu ghế dù

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Doãn Mậu Diệp